TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN **Tỉnh TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

□n số: 87/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Bà Ngô Thị Thu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân*:* 1. Bà Hà Thị Dung

2. Ông Trần Quảng Thái

Th- ký phiên toà*:* Bà Hoàng Thị Hoài- Thư ký Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân- Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 653/2018/ TLST-HNGĐ ngày30/8/2018 theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXX ngày 12/10/2018 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Hồng V, sinh năm 1973;

ĐKHK: Tổ X, phường H, thành phố TH;

Nơi cư trú: Tổ Y, phường T, thành phố TH.

(Có mặt tại phiên toà)

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1964

ĐKHK: Tổ X, phường H, thành phố TH;

(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lưu Thị HồngV trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn T vào năm 1993, tr- ớc khi c- ới hai bên có đ- ợc tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn C,huyện Đ (nay là ph- ờng C, thành phố TH) tỉnh TH. Quá trình chung sống, vợ chồng sinh đ- ợc hai con chung là cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 24/12/1993; Cháu Đỗ Thị Thanh H, sinh ngày 15/01/1999. Hiện các con đã tr- ởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân xin ly hôn chị V xác định do tình cảm vợ chồng không còn bắt nguồn từ bất đồng quan điểm sống. Anh T th- ờng hay uống r- ợu rồi đánh đập, xúc phạm chị, nhiều lần đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Chị và con trai đã chuyển đến ở chỗ khác từ năm 2015 đến nay và anh chị cũng ly thân từ đó, không ai còn quan tâm đến ai, cùng với việc gia đình tu sửa và xây dựng nhà mới nên anh chị không còn giữ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Chị V đã về Uỷ ban nhân dân (UBND) phường C, thành phố TH xin xác nhận lại việc đăng ký kết hôn thì đ- ợc UBND ph- ờng C trả lời "Hiện tại sổ đăng ký kết hôn năm 1993 không còn đ- ợc l- u giữ" nên không xác nhận việc đăng ký kết cho anh chị, vì vậy chị đề nghị Tòa án đi thu thập tài liệu chứng cứ này để giải quyết cho chị đ- ợc ly hôn với anh T, để các bên ổn định cuộc sống.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các khoản cho vay: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại bản tự khai và các phiên hòa giải, bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày: Anh và chị Lưu Thị Hồng V có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1993 tại UBND thị trấn C, huyện Đ (nay là phường C, thành phố TH) tỉnh TH. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn, sau đó chị V tự ý bỏ nhà đi ở chỗ khác nên anh chưa nhất trí ly hôn với chị V, mong chị V suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ vì gia đình đã có con dâu, con rể. Anh cũng thừa nhận do gia đình đã có thời gian cải tạo lại nhà, rồi xây nhà nên hiện nay không còn giữ được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của hai vợ chồng.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị V trình bày là đúng, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung và các khoản cho vay: Anh xác định không có.

Về án phí: Anh T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Tòa án đã kiên trì hòa giải song các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TH.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đỗ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Chị Lưu Thị Hồng V và anh Đỗ Văn T kết hôn với nhau vào năm 1993 tại ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ (nay là UBND phường C) thành phố TH, tỉnh TH. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T thường hay uống rượu và đánh đập, xúc phạm, đuổi vợ con ra khỏi nhà nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Việc chuyển chỗ ở cùng với việc gia đình tu sửa và xây dựng nhà mới nên anh chị xác định không còn giữ được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Chị V cũng đã xin xác nhận việc đăng ký kết hôn nhưng không có kết quả vì hiện nay UBND phường C không còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn từ năm 1993. Vì lẽ đó, chị V đã yêu cầu Tòa án đi xác minh, thu thập chứng cứ này. Tòa án đã đến làm việc với tổ tàng thư hộ khẩu cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thành phố TH để thu thập toàn bộ tài liệu, chứng cứ thể hiện việc đăng ký kết hôn của anh T, chị V trong hồ sơ xin cấp sổ đăng ký hộ khẩu, nhưng toàn bộ tài liệu thu thập được không phải là căn cứ chứng minh anh chị có đăng ký kết hôn với nhau.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".*

Xét thấy, quan hệ hôn nhân là quan hệ đặc biệt và phải được thừa nhận trên cơ sở pháp luật, trong vụ án này anh T và chị V đều cho rằng có đăng ký kết hôn nhưng không chứng minh được việc đã đăng kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó cuộc hôn nhân này không được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Vì vậy, về quan hệ hôn nhân áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm C khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của

kỳ họp thứ 7, Quốc Hội khoá X về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Lưu Thị Hồng V và anh Đỗ Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung: Các đ- ơng sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung và các khoản cho vay các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự . Điều 9; Điều 14; Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm C, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc Hội khoá X về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư số 01/2001/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội "về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình" ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lưu Thị Hồng V và anh Đỗ Văn T là vợ chồng.

2.Về con chung: Đã trưởng thành Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Nợ chung và các khoản cho vay: Không có, hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị Hồng V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006771 ngày 30/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnhTN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- Đương sự;
- UBND phường H
- Lưu HS, BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Thu Thuận

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thuận